

Bản án số: 546/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2024

Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Ông Võ Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 384/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 230/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* bà **Trần Thị D**, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: **số C, tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang**. Số điện thoại: 0778.899.412;

2. *Bị đơn:* ông **Phan Văn R**, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: **số C, tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang**. Số điện thoại: 0853.739.161;

(bà **D** xin vắng mặt, ông **R** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải nguyên đơn bà **Trần Thị D** trình bày:

Bà và ông **R** do mai mối được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 1993, sau khi cưới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **P**, tỉnh **An Giang** ngày 09/10/2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 110/2018. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình ông **R** được vài năm thì xây nhà ở riêng gần nhà mẹ của bà **D** cho đến nay, thời gian đầu chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, đến tháng 10/2019 bà **D** phát hiện bệnh và phải thường xuyên đi điều trị bệnh ung thư, đến năm 2020 ông **R** thường xuyên bỏ nhà đi cả đêm đến sáng mới trở về nên bà phát hiện ông **R** có người phụ nữ khác bên ngoài, sau đó ông **R** cũng thừa nhận sự việc này với bà, tuy bà đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông **R** không chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ khác. Kể từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng do ông **R** thường xuyên uống rượu không quan tâm, không lo lắng đến sức khỏe của bà mà còn có hành vi đánh bà phải nhập viện do sức khỏe yếu, gia đình hai bên đều biết và có hàn gắn nhưng không được. Nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn tình cảm với nhau nữa, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông **Phan Văn R**.

Về con chung: có 03 con chung tên **Phan Thị N**, sinh ngày 16/9/1994; **Phan Thị N1**, sinh ngày 09/9/1998 và **Phan Văn G**, sinh ngày 20/10/2001. Hiện nay 03 con chung đã thành niên và lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông **Phan Văn R** vắng mặt không lý do từ khi Tòa án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên ông **R** vắng mặt suốt quá trình tố tụng là chấp hành pháp luật chưa nghiêm, ông cũng được tổng đạt triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, bà **D** có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt ông **R** và bà **D** theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: hôn nhân của ông, bà do mai mối được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 1993, sau khi cưới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **P**, tỉnh **An Giang** ngày 09/10/2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 110/2018. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình ông **R** được vài năm thì xây nhà ở riêng gần nhà mẹ của bà **D** cho đến nay, thời gian đầu chung sống hạnh

phúc, đến tháng 10/2019 bà **D** phát hiện bệnh hiểm nghèo (ung thư) phải thường xuyên đi điều trị, đến năm 2020 ông **R** thường xuyên bỏ nhà đi suốt đêm đến sáng mới về sau đó bà **D** phát hiện ông **R** có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, ông **R** cũng thừa nhận sự việc này, tuy bà **D** có khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông **R** không chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ khác. Kể từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng do ông **R** không quan tâm, lo lắng đến sức khỏe của bà **D** mà còn có hành vi đánh bà **D** phải nhập viện do sức khỏe yếu, gia đình hai bên đều biết và có hàn gắn nhưng không được. Nay tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **D** yêu cầu ly hôn với ông **R** là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của con chung chị **Phan Thị N**, sinh năm 1994 và anh **Phan Văn G**, sinh năm 2001 nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét chấp nhận.

- Về con chung: có 03 con chung tên **Phan Thị N**, sinh ngày 16/9/1994; **Phan Thị N1**, sinh ngày 09/9/1998 và **Phan Văn G**, sinh ngày 20/10/2001. Hiện nay 03 con chung đã thành niên và lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết
Đồng thời buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: nguyên đơn bà **Trần Thị D** yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, bà có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, bị đơn ông **Phan Văn R** được tổng đạt triệu tập lần thứ hai để nghe xét xử nhưng ông không có mặt, việc vắng mặt của ông, bà không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt ông, bà theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay ông **Phan Văn R** cư trú tại **ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang** (theo phiếu xác minh của **Công an nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang** ngày 10/7/2024) nên bà **Trần Thị D** khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: bà **Trần Thị D** xin ly hôn nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của ông, bà do mai mối được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 1993, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang**. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình ông **R** được vài năm thì xây nhà ở riêng gần nhà mẹ của bà **D** cho đến nay, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2019 bà **D** phát hiện bệnh hiểm nghèo (ung thư) phải thường xuyên đi điều trị, đến năm 2020 ông **R** thường xuyên bỏ nhà đi suốt đêm đến sáng mới về, sau đó bà **D** phát hiện ông **R**

có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, ông R cũng thừa nhận, tuy bà D có khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông R không chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ khác. Kể từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng do ông R không quan tâm, lo lắng đến sức khỏe của bà D mà còn có hành vi đánh bà D phải nhập viện, gia đình hai bên đều biết và có hàn gắn nhưng không được. Nay tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu ly hôn với ông R là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của con chung chị Phan Thị N và anh Phan Văn G, do đó để ông, bà có cuộc sống riêng sau này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 03 con chung tên Phan Thị N, sinh ngày 16/9/1994; Phan Thị N1, sinh ngày 09/9/1998 và Phan Văn G, sinh ngày 20/10/2001, hiện nay 03 con chung đã thành niên và lao động được nên các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết

[3] Về án phí: bà Trần Thị D là người xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị D đối với ông Phan Văn R.
- Về hôn nhân: bà Trần Thị D được ly hôn với ông Phan Văn R.
- Về con chung: có 03 con chung tên Phan Thị N, sinh ngày 16/9/1994; Phan Thị N1, sinh ngày 09/9/1998 và Phan Văn G, sinh ngày 20/10/2001, đã thành niên và lao động được, nên không đặt ra xem xét.
- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006939 ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, ông Phan Văn R không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Văn T – Đ

Bùi Văn C

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Bùi Văn Chiến**